TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 184/2019/HS-ST
Ngày:16/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Huệ

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Dung

Ông Phạm Quang Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 153/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 30 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Tiến Đ, sinh năm 1978; HKNKTT và nơi ở : Số 7 ngõ 71 nghách 121 phố T, phường P, quận B, thành phố H; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh ; Giới tính : Nam ; Tôn giáo : Không ; Quốc tịch : Việt nam ; Con ông: Lê Tiến Đ2 và bà: Nguyễn Thị H2 (chết); Vợ : Đàm Thị T và có 03 con ; Tiền án, tiền sự: Từ năm 1998 đến năm 2013 có 02 tiền sự đã hết thời hiệu về hành vi lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ; Ngày 19/7/2004 Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp tài sản ; Ngày 16/3/2012 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù tội Đánh bạc ; Ngày 20/8/2012 Tòa án phúc phẩm Tôi cao xử y án; Tạm giữ, tạm giam : 04/12/2018 ***(***có mặt).

Người bị hại: Anh Lương Đình Đ1, sinh năm 1977; ĐKNKTT: Nơi ở: Số 52 ngõ 127 Đ, phường L, quận B, H (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1967; ĐKNKTT và nơi ở: Số 3B Đ, phường P, quận H1, H.(có mặt)

2/ Chị Đàm Thị T; sinh năm 1990; HKNKTT và nơi ở : Số 7 ngõ 71 nghách 121 phố T, phường P, quận B, H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 11 năm 2017, Lê Tiến Đ vay chị Đỗ Thị Thanh T1 (sinh năm 1970; trú tại: số 22 ngõ H, phường C, quận Đ, H) số tiền 270 triệu đồng. Đến giữa tháng 12 năm 2017, do chị T1 đòi nợ nên Đ đi đến phố Đặng D, phường Q, quận B, H gặp một người đàn ông tên là G và nhờ G làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BC 208422 (mang tên Lê Tiến Đ, Đàm Thị T, địa chỉ: 4B6 TT Lắp ghép N, phường P, quận B, Hà N) với giá 15 triệu đồng. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Đ đã đưa cho chị Đỗ Thị Thanh T1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BC 208422 để đảm bảo về số tiền Đ đã vay của chị T1.

Đến cuối tháng 12 năm 2017, chị Đỗ Thị Thanh T1 tiếp tục yêu cầu Đức trả nợ, do không có tiền để trả nợ, Lê Tiến Đ liên hệ với anh Lương Đình Đ1 (sinh năm 1977, trú tại: số 52 ngõ 127 phố Đ, phường L, quận B, H) để bán căn nhà ở số 7 ngõ 71 ngách 121 T, phường P, quận B, H với giá 01 tỷ đồng. Lê Tiến Đ cam kết căn nhà vợ chồng Đ đang ở là được bố mẹ cho, đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Tiến Đ và Đàm Thị T. Anh Đ đến xem nhà của Đ tại số 7 ngõ 71 ngách 121 T, phường P, quận B, H và đã được Đ cho xem ảnh chụp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 208422 mang tên Lê Tiến Đ và Đàm Thị T. Qua trao đổi, Lê Tiến Đ đã nói với anh Đ1 về việc Đ đang cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên tại chỗ người quen là chị Đỗ Thị Thanh T1 ở số 22 ngõ H3, Đ, H, nếu muốn mua thì phải ứng trước tiền để lấy lại Giấy chứng nhận, sau đó mới có thể làm các thủ tục về nhà đất.

Anh Lương Đình Đ1 đã giới thiệu cho chú anh Đ1 là ông Lương Đình V (sinh năm: 1958; trú tại: N) và bạn gái ông V là bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1967, trú tại: số 3B Đ, phường P, quận H4, H) về thông tin của căn nhà Đ đang muốn bán, ông V và bà H đồng ý mua căn nhà trên. Ngày 08/01/2018, Lê Tiến Đ hẹn gặp anh Đ1 tại ngõ H để tiến hành giao dịch nên buổi chiều cùng ngày, anh Lương Đình Đ1 đã cùng bà Nguyễn Thị H đi đến gặp Đức tại ngõ H, phường C, quận Đ, H. Khi gặp nhau, Lê Tiến Đ đã lên xe ô tô của Đ1, trên xe ô tô, bà H đã đưa cho anh Đạt 300 triệu đồng, anh Đ1 thêm vào 30 triệu đồng và giao cho Đ số tiền 330 triệu đồng. Lê Tiến Đ đã nhận tiền của anh Đ1 và viết giấy biên nhận số tiền 350 triệu đồng. Sau đó, Lê Tiến Đức cùng anh Đạt đi vào nhà số 22 ngõ H, tại đây Đ đã trả cho chị Đỗ Thị Thanh T1

số tiền Đ vay của chị T1 và nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 208422 mang tên Lê Tiến Đ và Đàm Thị T.

Sau khi ra khỏi nhà số 22 ngõ H, Đ thỏa thuận với anh Đ1 sẽ để vợ Đ là chị Đàm Thị T (sinh năm 1990; trú tại: số 7 ngách 121/71 phố T, phường P, quận B, H) cùng đi với anh Đ1 đến Văn phòng Công chứng L1ở số 49 phố V, phường L, quận B, H để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn Đ đi về dọn nhà để bàn giao nhà cho anh Đ1. Sau đó anh Đ1, bà H và chị Đàm Thị T cùng đi đến Văn phòng công chứng L ở số 49 phố V, phường L, quận B để làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất. Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, qua kiểm tra, Văn phòng công chứng L nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 208422 là giả nên không làm thủ tục chuyển nhượng và thông báo sự việc cho Công an thành phố Hà Nội.

Sau khi bị khởi tố, Lê Tiến Đ đã bỏ trốn đến ngày 04/12/2018 thì bị bắt truy nã.

*** Vật chứng thu giữ:**

- Thu của anh Lương Đình Đ1

+ 01 "Giấy nhận tiền" có nội dung: Ngày 08/01/2018 nhận của anh Đạt số tiền 350 triệu đồng, có chữ ký Lê Tiến Đ.

- Thu của Văn phòng công chứng L

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 208422 địa chỉ số 7 ngõ 71 ngách 121 T, phường P, quận B, H mang tên Lê Tiến Đ, Đàm Thị T, địa chỉ: 4B6 TT Lắp ghép N, phường P, quận B, H;

+ 01 Giấy chứng nhận kết hôn của Lê Tiến Đ và Đàm Thị T (bản gốc);

+ 01 Căn cước công dân mang tên Đàm Thị T (bản gốc);

+ Các bản photo (của bên bán), căn cước công dân của Lê Tiến Đ, sổ hộ khẩu (Lê Tiến Đ làm chủ hộ).

Tại Bản Kết luận giám định số 4922/KLGĐ-PC54(Đ4) ngày 28/05/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự-Công an thành phố Hà Nội kết luận (BL 191, 192):

1. Phôi "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" số BC 208422, cấp ngày 28/10/2009 (ký hiệu A1) ***là phôi giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số.***

2. Hình dấu tròn "ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH TP.HÀ NỘI" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) với hình dấu tròn "ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH TP.HÀ NỘI" trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) ***là không phải cùng một con***

dấu in ra. Hình dấu cần giám định được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số.

* Chữ ký đứng tên Đỗ Viết B trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ ký đứng tên Đỗ Viết B trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) ***là không phải chữ do cùng một người ký ra.***

3. Chữ ký đứng tên Lê Tiến Đ trên mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ ký đứng tên Lê Tiến Đ trên các mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4) ***là chữ do cùng một người ký ra.***

Quá trình điều tra xác định được địa chỉ 4B6 TT Lắp ghép N, phường P, quận B, H (nay là số 7/71/121 T, phường P, quận B, H) là thửa đất số 172+93, tờ bản đồ số 8H-IV-01 được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận số 10101010660 ngày 16/05/2002 cho ông Trần Văn D và bà Đàm Thanh T, đến ngày 23/12/2008 được đính chính chuyển nhượng cho ông Lê Tiến Đ2 và bà Nguyễn Thị H1.

Tại CQĐT, Lê Tiến Đ khai: Khoảng đầu tháng 11 năm 2017, Lê Tiến Đ vay chị Đỗ Thị Thanh T1 (sinh năm 1970; trú tại: số 22 ngõ H, phường C, quận Đ, Hsố tiền 270 triệu đồng. Đến cuối tháng 11 năm 2017, do cần tiền làm ăn nên Đ đã gặp anh Lê Tiến Đ hỏi vay 1 tỷ đồng với lãi suất 3.000/1 triệu/1 ngày và cầm cố nhà, nhưng do "sổ đỏ" vẫn đứng tên của bố mẹ Đ nên anh Đ1 không đồng ý. Đ thỏa thuận với anh Đ1 là Đ sẽ làm "sổ đỏ giả mang tên Đ" để cầm cố thì anh Đ1 đồng ý. Đến giữa tháng 12 năm 2017, Đ đi đến phố Đặng D, phường Q, quận B, H gặp một người đàn ông tên là G và nhờ G làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BC 208422 (mang tên Lê Tiến Đ, Đàm Thị T, địa chỉ: 4B6 TT Lắp ghép N, phường P, quận B, H) với giá 15 triệu đồng. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, do thời gian này chị Đỗ Thị Thanh T1 đòi tiền nên Đ đã đưa cho chị T1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BC 208422 để đảm bảo về số tiền Đ đã vay của chị T1. Sau đó Đ cho anh Đ1 xem ảnh chụp "sổ đỏ giả" và gửi ảnh cho anh Đ1 qua ứng dụng zalo và hẹn ngày 08/01/2018 giao dịch ở ngõ H. Đến chiều ngày 08/01/2018, anh Đ1 đi cùng một người phụ nữ đến gặp Đ tại ngõ H, tại đây thì Đ lên xe ô tô của anh Đ1 và nhận của anh Đ1số tiền 330 triệu đồng, Đ đã viết giấy nhận 350 triệu đồng. Sau khi nhận tiền, Đ cùng anh Đ1 đi vào nhà chị Đỗ Thị Thanh T1 trong ngõ H, tại đây thì Đ trả cho chị T 270 triệu đồng rồi lấy lại "sổ đỏ giả" và đưa cho anh Đ1 cầm. Sau đó, Đ đi về nhà dọn nhà để bàn giao nhà cho anh Đ1, còn vợ Đ là Đàm Thị T thì đi theo anh Đ1 để viết giấy tờ. Việc Đ làm "sổ đỏ giả" thì chị Đàm Thị T1 không biết. Số tiền 60 triệu đồng còn lại, Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại CQĐT, anh Lương Đình Đ1 khai: Khoảng cuối năm 2017 đến đầu năm 2018, Đ có liên lạc với anh Đ1 nói cần vốn để làm ăn nên bán căn nhà Đ đang ở tại

địa chỉ số 7/71/121 T với giá 2 tỷ đồng, Đ đã gửi cho anh Đ1 ảnh chụp "sổ đỏ" mang tên vợ chồng Đ qua ứng dụng zalo. Do chú của anh Đ1 là ông Lương Đình V có nhu cầu mua nhà nên anh Đ1 đã đến xem nhà Đ, thấy giá nhà 2 tỷ là hợp lý nên anh Đ1 đã báo thông tin về căn nhà trên với ông V và bạn gái ông V là bà Nguyễn Thị H, bà H và ông V đồng ý mua căn nhà trên. Anh Đ1 và Đ thỏa thuận ngày 08/01/2018 anh Đ1 đưa cho Đ 300 triệu đồng để Đ chuộc "sổ đỏ", sau đó sẽ ra văn phòng công chứng kiểm tra giấy tờ và mời công chứng viên về nhà Đ để làm thủ tục mua bán nhà. Chiều ngày 08/01/2018, anh Đ1 cùng bà H đến ngõ Hàng B gặp Đ, tại đây bà H đưa cho anh Đ1 300 triệu đồng, do Đ nói còn 30 triệu tiền lãi nên anh Đ lấy 30 triệu đồng của mình thêm vào rồi đưa cho Đ 330 triệu đồng. Sau đó anh Đ1 yêu cầu Đ viết giấy nhận 350 triệu đồng cho chẵn tiền, sau khi làm thủ tục chuyển nhượng sẽ tính toán tiền nong lại sau. Sau khi nhận tiền, thì Đ dẫn anh Đ1 đi vào nhà chị T1, tại đây thì Đ trả tiền cho chị T1 rồi lấy lại "sổ đỏ" rồi đưa cho anh Đ1. Sau đó Đức nói đi về trước dọn nhà, còn anh Đ1, bà Huệ đi cùng vợ con Đ lên phòng công chứng. Khi kiểm tra giấy tờ, nghi là "sổ đỏ giả" nên phòng công chứng đã báo cơ quan công an. Anh Đ1 yêu cầu Đ trả lại số tiền 330 triệu đồng cho anh Đ1 và bà H.

Tại cơ quan điều tra, ông Lương Đình V khai: Ông V và bà Nguyễn Thị H có quen biết nhau, năm 2017 do bà Hcó nhu cầu mua nhà nên ông V và bà H đã đi xem một số mảnh đất nhưng chưa mua được, do đó ông V có nhờ cháu là anh Đ1 tìm giúp. Sáng ngày 08/01/2018, anh Đ1 có nói thông tin về căn nhà ở khu P1mang tên Đàm Thị T và Lê Tiến Đ bán giá khoảng 2 tỷ đồng, thấy giá hợp lý nên ông V đã thông tin cho bà H về căn nhà trên. Khi bà H đồng ý mua, ông V đã nói với anh Đ1 giúp đỡ bà H trong việc mua bán nhà. Sau đó mọi việc giao dịch thì bà H và anh Đ1 trực tiếp làm việc với nhau.

Tại cơ quan điều tra, bà Nguyễn Thị H khai: Bà Huệ là bạn gái của ông Lương Đình V, sáng ngày 08/01/2019, ông V gọi điện thoại cho bà H nói anh Đ1 có một căn nhà tại P, chủ nhà nợ nần nhiều đang muốn bán gấp và bảo bà Huệ liên lạc với anh Đạt. Bà H gọi điện thoại cho anh Đ1 và được anh Đ1 cho biết căn nhà ở khu tập thể lắp ghép N có "sổ đỏ" đứng tên chủ nhà là Đ-T, theo giá thị trường là hơn 2 tỷ đến 3 tỷ đồng nhưng do chủ nhà nợ nần nên cần bán gấp giá 2 tỷ đồng, nếu đồng ý mua thì giao dịch ngay trong ngày và ứng trước cho chủ nhà 300 triệu đồng để đi chuộc "sổ đỏ", sau đó ra văn phòng công chứng làm thủ tục chuyển nhượng. Do tin tưởng anh Đ1 nên khoảng 14^{h} ngày 08/01/2018, bà Huệ đã ra ngân hàng Sea Bank ở phố Trần Hưng Đ rút 1 tỷ đồng trong sổ tiết kiệm rồi đi cùng anh Đ1 đến ngõ Hàng B gặp Đ. Tại ngõ Hàng B, bà H lấy 300 triệu đồng đưa cho anh Đ1, sau đó anh Đ1 gọi Đ vào xe ô tô đưa tiền cho Đ và yêu cầu Đ viết giấy nhận tiền, sau đó bà H ngồi chờ ngoài xe, còn anh Đ1 và Đ đi chuộc "sổ đỏ". Một lúc sau, anh Đ1 và Đ quay lại, anh Đ1

đưa "sổ đỏ" cho bà H cầm. Lúc này Đ nói bà H với anh Đ1 cứ đi ra phòng công chứng làm thủ tục trước, Đ đi về nhà dọn nhà rồi sẽ ra ký giấy tờ sau, bà H không đồng ý nên Đ bảo vợ con Đ đi cùng với bà H và anh Đ1. Khi ra phòng công chứng làm việc, do nghi ngờ "sổ đỏ" là giả nên phòng công chứng đã báo cơ quan công an. Bà H yêu cầu Đ trả lại số tiền 300 triệu đồng cho bà H.

Tại cơ quan điều tra, ông Lê Tiến Đ2 (sinh năm 1950; trú tại: Số 9/140 phố T, phường P, quận B, H) khai: Ngôi nhà số 7/71/121 (trước đây là số 4B6 TT Lắp ghép N, phường P, quận B, H) là tài sản của ông Đ2 và bà Nguyễn Thị H1 mua năm 2008, "sổ đỏ" vẫn mang tên ông Đ2 và bà H1. Hiện ông Đ2 cho con trai ông Đ2 là Lê Tiến Đ tạm thời sử dụng, chưa chuyển nhượng, chưa cho tặng ai. Sau này ông Đ2 sẽ sang tên ngôi nhà trên cho các con của Đ.

Quá trình điều tra xác định chị Đàm Thị T không liên quan đến việc Lê Tiến Đ làm Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất giả và lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên CQĐT không xử lý.

Đối với người đàn ông tên là G, là người Lê Tiến Đ thuê làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BC 208422 (mang tên Lê Tiến Đức, Đàm Thị Thảo, địa chỉ: 4B6 TT Lắp ghép N, phường P, quận B, H), hiện không xác định được tên tuổi địa chỉ nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý.

Hiện nay Lê Tiến Đ chưa khắc phục hậu quả cho người bị hại.

Bản cáo trạng số 159/CT-VKS ngày 08/8/2019 Viện kiểm sát Quận Ba Đình truy tố: Lê Tiến Đ phạm tội: Tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 3 điều 341 và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình trong phần luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng số 159/CT-VKS ngày 08/8/2019 và đề nghị áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; Điểm a khoản 3 điều 174, điều 38, điểm s khoản 1 điều 51; Điều 55; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt: Bị cáo Lê Tiến Đ từ 3 năm đến 04 năm tù giam về tội : Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Cộng với 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 12 năm đến 13 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho Lương Đình Đ1 số tiền 330.000.000 đồng. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa người bị hại anh Lương Đình Đ1 đề nghị bị cáo phải trả lại anh số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Lương Đình Đ1 trả lại chị 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) mà để hai bên tự giải quyết.

Tại phiên tòa chị Đàm Thị T đề nghị được xin lại giấy đăng ký kết hôn bản gốc và CMTND mang tên Đàm Thị Thảo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Tiến Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ba Đình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản kết luận định giá tài sản, phù hợp với các biên bản, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

[3] Những chứng cứ trên đây đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng giữa tháng 12 năm 2017, tại phố Đ, phường Q, quận B, H, Lê Tiến Đ có thuê một người đàn ông tên là Giang làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BC 208422 (mang tên Lê Tiến Đ, Đàm Thị T, địa chỉ: 4B6 TT Lắp ghép N, phường P, quận B, H).

Đầu tháng 01 năm 2018, Lê Tiến Đ thỏa thuận việc mua bán nhà có địa chỉ số 7 ngõ 71 ngách 121 phố T, phường P, quận B, H với anh Lương Đình Đ1. Do không có nhu cầu mua nhà nên anh Đ1 giới thiệu với anh Lương Đình V và chị Nguyễn Thị H mua lại nhà của Đ. Ngày 08/01/2018, tại ngõ Hàng B, phường C, Đống Đ, H, bà H đưa cho anh Đ1 số tiền 300 triệu đồng, anh Đ1 lấy thêm 30 triệu đồng của mình và đưa lại cho Đ tổng số tiền 330 triệu đồng. Đ đã đưa cho anh Đ1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BC 208422 để làm thủ tục chuyển nhượng. Khi anh Đ1, chị H cùng vợ con của Đức đi đến Văn phòng công chứng L ở số 49 phố V , phường L , quận B , H để làm thủ tục chuyển nhượng thì phòng công chứng phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 208422 là giấy tờ giả nên đã báo cơ quan công an. Lê Tiến Đ bỏ trốn đến ngày 04/12/2018 thì bị bắt truy nã. Hành vi của bị cáo Lê Tiến Đ đã phạm tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức được quy

định tại điểm tại điểm b khoản 3 điều 341và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BC20842 (mang tên Lê Tiến Đ, Đàm Thị T) để mang đi đặt cho chị Đỗ Thị Thanh T1 lấy 270.000.000 đồng, sau đó thỏa thuận bán cho chị H căn nhà trên do anh Lương Đình Đ1 giao dịch hộ chị H, anh Đ1 là người trực tiếp cầm 300.000.000 đồng của chị H và bỏ ra 30.000.000 đồng của mình đưa cho Đ tổng số là 330.000.000 đồng chuộc sổ đỏ căn nhà trên và cùng nhau ra phòng công chứng L làm hợp đồng mua bán nhà thì bị phát hiện, đây là hành vi sử dụng giấy tờ giả vào mục đích lừa đảo lấy 330.000.000 đồng. Bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan nhà nước , các tổ chức xã hội. Đồng thời xâm phạm đến tài sản được luật hình bảo vệ mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội. Nhân thân bị cáo có 02 tiền sự hết thời hiệu và 02 tiền án đã được xóa án tích, nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tài liệu có trong hồ sơ cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về dân sự: Người bị hại anh Lương Đình Đ1 yêu cầu bồi thường 330.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của anh Đ1 là phù hợp với thực tế khánh quan. Buộc bị cáo phải bồi thường 330.000.000 đồng cho anh Đạt.

Tại phiên tòa chị H không yêu cầu anh Đ1 bồi hoàn số tiền 300.000.000 đồng trong vụ án này mà tự hai bên giải quyết nên tòa không xem xét.

Chị Đàm Thị T đề nghị xin lại Đăng ký kết hôn bản chính và CMTND mang tên Đàm Thị T đang nằm trong tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, yêu cầu của chị T xin lại giấy tờ tùy thân mang tên chị nên Tòa chấp nhận trả lại Đăng ký kết hôn bản chính và CMTND mang tên Đàm Thị T.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 341; Điểm a khoản 3 điều 174, điều 38, điểm s khoản 1 điều 51; Điều 55; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn,giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Tiến Đ phạm tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt: Lê Tiến Đ 03 (ba) năm tù về tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, cộng với 9 (chín) năm tù tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2018.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lương Đình Đ1 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của khoản tiền chưa thi hành án với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại (Nếu có);
- Người bào chữa (Nếu có);
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Công an quận Ba Đình;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Minh Huệ